

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST
Ngày: 07 - 4 - 2023
V/v “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Truệ;

Ông Nguyễn Văn Lên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn:

- Ông Lý Thanh H, sinh năm 1961, có mặt.

- Bà Hồ Thị K, sinh năm 1959, có mặt.

Cùng địa chỉ: Số nhà B, đường H, khu phố B, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

- Ông Mai Bá P, sinh năm 1979, vắng mặt.

- Bà Võ Thị Mỹ H1, sinh năm 1979, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số F, đường N, khu phố E, phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K và phần trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K yêu cầu ông Mai Bá P và bà Võ Thị Mỹ H1 liên đới trả số tiền nợ vay gốc là 190.000.000 đồng, trả lãi 1%/tháng kể từ ngày

11/10/2020 đến ngày xét xử là 29 tháng, thành tiền là 55.100.000 đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Về căn cứ khởi kiện như sau:

Ông bà là vợ chồng, vào ngày 11/8/2020 ông P ký biên nhận vay của ông bà số tiền 190.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 2 tháng. Sau khi vay tiền ông P đã trả cho ông bà 02 tháng tiền lãi từ ngày 11/8/2020 đến ngày 11/10/2020, sau đó ngưng không trả gốc cũng như trả lãi. Ông bà đã đòi nhiều lần nhưng bị đơn không trả.

Khi vay tiền chỉ có ông P vay, không có vợ của ông P. Tuy nhiên, ông P nói vay tiền để trả lương công nhân do ông P làm thầu xây dựng. Ông P có thể chấp và giao cho ông bà bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 875050 do UBND thị xã K cấp cho ông Mai Bá P, bà Võ Thị Mỹ H1 ngày 01 tháng 4 năm 2015, không làm hợp đồng thế chấp và không đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K. Nay ông bà đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông P, bà H1 khi ông P bà H1 trả xong nợ cho ông bà.

Bị đơn ông Mai Bá P và bà Võ Thị Mỹ H1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K khởi kiện yêu cầu ông Mai Bá P và bà Võ Thị Mỹ H1 trả tiền nợ vay. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường A, thị xã K nên căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

[2] Về tố tụng:

Ông P và bà H1 vắng mặt không tham gia phiên hòa giải mặc dù đã được cấp, tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông P và bà H1 đã được cấp, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông P và bà H1.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ông H và bà K là vợ chồng, ông bà trình bày số tiền cho ông P vay là tài sản chung của ông bà. Ông H và bà K khởi kiện yêu cầu ông P và bà H1 liên đới trả 190.000.000 đồng tiền nợ vay gốc theo biên nhận nợ ngày 11 tháng 8 năm 2020 và tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 11/10/2020 đến ngày xét xử làm tròn là

29 tháng, sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành thì đề nghị tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật là khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Xét thấy ông H và bà K cung cấp chứng cứ là biên nhận (chữ viết tay) lập ngày 11 tháng 8 năm 2020 thể hiện nội dung: Tôi tên: Mai Bá P hiện cư ngụ tại Phường A, thị xã K, Long An. Hôm nay ngày 11/8/2020 có mượn cô K 190.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng thời hạn 02 tháng. Trong giấy nhận nợ có ký và ghi họ tên của Mai Bá P.

Bị đơn ông P và bà H1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do, không cung cấp chứng cứ chứng minh mặc dù đã được cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng trong đó có Thông báo yêu cầu ông P và bà H1 trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cung cấp chứng cứ nhưng ông bà vẫn không cung cấp nên được xem là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự, căn cứ theo chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định giữa ông P và bà K có xác lập giao dịch vay tài sản, số tiền ông P vay là 190.000.000 đồng. Đến nay ông P không có chứng cứ chứng minh về việc đã thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn. Do đó nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ.

Về lãi suất: Ông H, bà K yêu cầu tính lãi 1%/tháng từ ngày 11/10/2020 đến ngày xét xử 07/4/2023 làm tròn là 29 tháng thành tiền 55.100.000 đồng là có căn cứ và phù hợp Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3.2] Về trách nhiệm liên đới: Ông H và bà K yêu cầu ông P và bà H1 liên đới trả nợ vì cho rằng họ là vợ chồng, khi vay tiền ông P nói để trả cho công nhân do ông P là chủ thầu xây dựng. Khi vay tiền ông P có giao cho ông bà bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông P và bà H1.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản chỉ có ông P là người trực tiếp giao dịch với nguyên đơn, không có mặt bà H1. Ông H và bà K ngoài lời khai trình bày ông P vay tiền để trả lương cho công nhân do ông P làm chủ thầu xây dựng thì không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền trên được ông P vay về để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình theo Điều 30 hoặc theo Điều 24, Điều 25 Luật Hôn nhân và gia đình. Về việc khi vay tiền ông P giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông P, bà H1 cho nguyên đơn giữ chưa đủ căn cứ để chứng minh xác định trách nhiệm liên đới của bà H1. Do đó, không có cơ sở để xác định trách nhiệm liên đới của bà H1 cùng với ông P trả nợ cho nguyên đơn.

[4] Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà K, buộc ông P có trách nhiệm trả cho ông H và bà K số tiền nợ vay gốc 190.000.000 đồng và tiền lãi 55.100.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông H, bà K về việc yêu cầu bà H1 có trách nhiệm liên đới trả nợ.

[5] Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Khi vay tiền ông P giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 875050 cho nguyên đơn giữ, các bên

không ký hợp đồng thế chấp theo quy định. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bị đơn khi bị đơn thanh toán xong nợ là phù hợp.

[6] Về án phí: Ông P phải chịu tiền án phí dân sự sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông H, bà K thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 279, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Mai Bá P.

Buộc ông Mai Bá P có trách nhiệm trả cho ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K số tiền nợ vay gốc là 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng) và tiền lãi 55.100.000 đồng (năm mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Buộc ông Lý Thanh H, bà Hồ Thị K có trách nhiệm trả cho ông Mai Bá P, bà Võ Thị Mỹ H1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 875050 do Ủy ban nhân dân thị xã K cấp cho ông Mai Bá P, bà Võ Thị Mỹ H1 ngày 01 tháng 4 năm 2015 đối với thửa đất số 1069, thửa số 1070 thuộc tờ bản đồ số 8, vị trí đất tại xã B, thị xã K, tỉnh Long An sau khi ông Mai Bá P thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền nợ vay gốc và lãi cho ông H, bà K.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K về việc buộc bà Võ Thị Mỹ H1 có trách nhiệm liên đới trả nợ vay cho ông H, bà K.

2. Về án phí: Ông Mai Bá P phải nộp 12.255.000 đồng án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Mai Bá P và bà Võ Thị Mỹ

H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, tổng đạt bản án theo Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Tuyết Nhung